

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-11-2017
V/v Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Hà;**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm;**
2. Bà **Hồ Thị Mai Hương;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Tấn Đạt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 563/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Tuyết H**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp AĐ, xã AB, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Phạm Ngọc B**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp AB, xã AB, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Võ Tuyết H là nguyên đơn trình bày:

- **Về hôn nhân:** Chị H, anh B sống chung với nhau vào năm 1997 và không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Sau này anh B đi làm nhưng chỉ lo cho bản thân, không phụ giúp chị lo cho gia đình và lo cho các con ăn học. Chị H đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh B không thay đổi. Vợ chồng vẫn sống chung nhưng không còn quan tâm gì đến nhau, mỗi người đều có cuộc sống và kinh tế riêng.

Nay, chị H nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc B.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Võ Hoàng Long, sinh ngày 11/02/2000 và Phạm Võ Hoàng Mỹ, sinh ngày 02/7/2005. Hiện nay, 02 con chung đang sống với chị H. Nay ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo văn bản ý kiến ngày 25/10/2017 của bị đơn là anh Phạm Ngọc B trình bày:

- **Về hôn nhân:** Anh B thống nhất theo lời trình bày của chị H. Nay anh B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Võ Hoàng Long, sinh ngày 11/02/2000 và Phạm Võ Hoàng Mỹ, sinh ngày 02/7/2005. Hiện 02 con chung đang sống với chị H. Nay ly hôn, anh B đồng ý để 02 con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng và anh B không cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Võ Tuyết H có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con*”.

Anh Phạm Ngọc B là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ấp An Định, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Phạm Ngọc B đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị H và anh B thừa nhận chung sống vào năm 1997 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị H và anh B có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền,

nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đời sống chung giữa chị H và anh B phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị H yêu cầu ly hôn. Anh B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh B.

- **Về con chung:** Chị H và anh B có 02 con chung tên Phạm Võ Hoàng Long, sinh ngày 11/02/2000 và Phạm Võ Hoàng Mỹ, sinh ngày 02/7/2005, hiện 02 con chung đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào văn bản tự khai ngày 30/10/2017 thì cháu Long, cháu Mỹ có nguyện vọng được sống với chị H và anh B cũng có ý kiến đồng ý để 02 cháu Long và Mỹ cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Giao 02 con chung tên Phạm Võ Hoàng Long, sinh ngày 11/02/2000 và Phạm Võ Hoàng Mỹ, sinh ngày 02/7/2005 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 16111 ngày 09/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Võ Tuyết H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Võ Tuyết H và anh Phạm Ngọc B là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Phạm Võ Hoàng Long, sinh ngày 11/02/2000 và Phạm Võ Hoàng Mỹ, sinh ngày 02/7/2005. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Võ Tuyết H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 16111 ngày 09/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Hữu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phước Tâm – Hồ Thị Mai Hương

Trần Hữu Hà